

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 469 /QĐ-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ
sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02); thuộc kế hoạch mua vật tư phụ tùng
SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2765/QĐ-CTCP397 ngày 27/12/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 ;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02) do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 29/12/2024;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/12/2024 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 30/12/2024 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02);

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 9.812.006.360 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm mười hai triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02).

- Giá trị gói thầu: 9.812.006.360 đồng. (*Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm mười hai triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2025

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.

- Tùy chọn mua thêm: Không có

- Giám sát đấu thầu: Không có

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh



BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo quyết định phê duyệt số 2169/QĐ-CTCP397 ngày 30/12./2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Nội dung hàng hoá	Mã Số	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Thuế xuất	Tiền thuế
1	Ca ngoài vòng bi bị động	030-0060	Cái	2	1.652.000	3.304.000	8	264.320
2	Gioăng	030-4605	Cái	5	53.000	265.000	8	21.200
3	Gioăng tròn	030-4606	Cái	5	131.000	655.000	8	52.400
4	Gioăng	214-7566	Cái	5	165.000	825.000	8	66.000
5	Gioăng phần mặt máy 152-2939	238-5081	Cái	5	241.000	1.205.000	8	96.400
6	Gioăng đầu ống nhiên liệu	033-6033	Cái	20	170.000	3.400.000	8	272.000
7	Gioăng giắc điện kim phun	330-8197	Cái	20	281.000	5.620.000	8	449.600
8	Gioăng	228-7089	Cái	10	181.000	1.810.000	8	144.800
9	Gioăng ống lót vòi phun	346-4897	Cái	24	491.000	11.784.000	8	942.720
10	Cảm biến nhiệt độ dầu thủy lực, nước làm mát	102-2240	Cái	2	6.747.000	13.494.000	10	1.349.400
11	Gioăng	373-9231	Cái	10	248.000	2.480.000	8	198.400
12	Phốt quả rửa	105-1331	Cái	5	6.755.000	33.775.000	8	2.702.000
13	Vòng bi	106-7799	Vòng	2	3.019.000	6.038.000	8	483.040
14	Phin lọc gió trong ca bin	107-0266	Cái	10	679.000	6.790.000	8	543.200
15	Cảm biến nhiệt độ khí nạp động cơ	107-8618	Cái	2	7.016.000	14.032.000	10	1.403.200
16	Gioăng ống lót vòi phun	107-9570	Cái	24	156.000	3.744.000	8	299.520
17	Gioăng phần mặt máy	238-5079	Cái	20	155.000	3.100.000	8	248.000
18	Gioăng phần mặt máy	238-5086	Cái	20	456.000	9.120.000	8	729.600
19	Gioăng	109-0072	Cái	10	306.000	3.060.000	8	244.800
20	Gioăng	109-0073	Cái	10	326.000	3.260.000	8	260.800
21	Gioăng	109-0074	Cái	10	489.000	4.890.000	8	391.200
22	Gioăng	109-0075	Cái	10	444.000	4.440.000	8	355.200

23	Gioăng	109-0076	Cái	10	366.000	3.660.000	8	292.800
24	Gioăng tròn	109-0077	Cái	10	505.000	5.050.000	8	404.000
25	Gioăng	109-0078	Cái	10	274.000	2.740.000	8	219.200
26	Gioăng	214-7567	Cái	10	171.000	1.710.000	8	136.800
27	Gioăng	238-5078	Cái	10	148.000	1.480.000	8	118.400
28	Xéc măng máy nén khí	110-1337	Bộ	5	3.360.000	16.800.000	8	1.344.000
29	Gioăng xi lanh	110-2220	Cái	12	530.000	6.360.000	8	508.800
30	Bánh răng bơm số	111-0329	Cái	1	32.786.000	32.786.000	10	3.278.600
31	Gioăng	112-1574	Cái	10	324.000	3.240.000	8	259.200
32	Gioăng tròn 112-1579	467-2620	Cái	10	713.000	7.130.000	8	570.400
33	Gioăng tròn	112-1580	Cái	10	505.000	5.050.000	8	404.000
34	Gioăng	112-5282	Cái	10	96.000	960.000	8	76.800
35	Gioăng	114-2687	Cái	10	200.000	2.000.000	8	160.000
36	Gioăng đường khí	114-4427	Cái	10	105.000	1.050.000	8	84.000
37	Gioăng cầu dầu mặt máy	116-7220	Cái	20	372.000	7.440.000	8	595.200
38	Gioăng cầu dầu đầu vòi phun	116-7221	Cái	20	271.000	5.420.000	8	433.600
39	Gioăng cầu dầu mặt máy	116-7222	Cái	20	196.000	3.920.000	8	313.600
40	Trục Bánh răng trung gian buồng trước	117-9712	Cái	1	18.628.000	18.628.000	8	1.490.240
41	Gioăng	118-5068	Cái	10	102.000	1.020.000	8	81.600
42	Gioăng	118-7214	Cái	10	201.000	2.010.000	8	160.800
43	Cảm biến nhiệt độ dầu thủy lực	118-7226	Cái	2	9.216.000	18.432.000	10	1.843.200
44	Dây điện vào van điện từ bơm ép	121-0596	Cái	6	1.428.000	8.568.000	10	856.800
45	Xu páp xả	122-0321	Cái	120	2.292.000	275.040.000	8	22.003.200
46	Xu páp hút	122-0322	Cái	120	2.409.000	289.080.000	8	23.126.400
47	Gioăng phanh	123-7268	Cái	10	806.000	8.060.000	8	644.800
48	Gioăng phanh	123-7271	Cái	10	937.000	9.370.000	8	749.600

49	Gioăng bầu phanh	123-7272	Cái	10	958.000	9.580.000	8	766.400
50	Gioăng phanh	124-3520	Cái	10	751.000	7.510.000	8	600.800
51	Lò xo căng puly cánh quạt	125-5071	Cái	3	6.223.000	18.669.000	10	1.866.900
52	Gioăng bằng trước	259-4598	Cái	10	1.021.000	10.210.000	8	816.800
53	Phin lọc dầu lái	126-1813	Cái	15	1.111.000	16.665.000	8	1.333.200
54	Gioăng	126-2702	Cái	10	434.000	4.340.000	8	347.200
55	Gioăng máy nén khí	129-3948	Cái	5	712.000	3.560.000	8	284.800
56	Vòng bi hộp số	616-8181	Bộ	5	60.310.000	301.550.000	8	24.124.000
57	Gioăng cổ xả	129-9452	Cái	10	229.000	2.290.000	8	183.200
58	Phin lọc dầu phanh	130-3212	Cái	20	1.384.000	27.680.000	8	2.214.400
59	Bạc bánh răng trước	131-7123	Cái	5	1.660.000	8.300.000	10	830.000
60	Gioăng	133-1705	Cái	5	536.000	2.680.000	8	214.400
61	Phin lọc tách nước nhiên liệu	513-4490	Cái	15	992.000	14.880.000	8	1.190.400
62	Bộ gioăng phốt bơm ép	138-6256	Bộ	1	6.318.000	6.318.000	8	505.440
63	Bộ gioăng van rơ le phanh	142-3439	Cái	5	3.946.000	19.730.000	8	1.578.400
64	Phốt đầu trục cơ	142-5867	Cái	1	4.288.000	4.288.000	8	343.040
65	Phốt sau trục cơ	142-5868	Cái	1	4.288.000	4.288.000	8	343.040
66	Gioăng xi lanh	142-7072	Cái	12	297.000	3.564.000	8	285.120
67	Phin lọc dầu lái	144-0832	Cái	10	1.080.000	10.800.000	8	864.000
68	Mô tơ gạt mưa	147-7975	Cái	2	9.992.000	19.984.000	8	1.598.720
69	Gioăng tròn 152-2938	228-7091	Cái	10	211.000	2.110.000	8	168.800
70	Bánh răng lai bơm ép	155-6637	Cái	2	8.217.000	16.434.000	10	1.643.400
71	Van chia hơi phanh	159-5149	Cái	2	7.448.000	14.896.000	8	1.191.680
72	Tay biên	160-8178	Cái	3	21.354.000	64.062.000	8	5.124.960
73	Đệm bằng sau	161-7293	Cái	2	4.987.000	9.974.000	8	797.920
74	Cảm biến áp suất vào tăng áp	161-9926	Cái	2	8.876.000	17.752.000	10	1.775.200

75	Bạc bộ lai bơm ép	162-0150	Cái	2	734.000	1.468.000	10	146.800
76	Bạc bộ lai bơm ép	162-0151	Cái	2	849.000	1.698.000	10	169.800
77	Bạc bộ lai bơm ép	162-0152	Cái	2	2.900.000	5.800.000	10	580.000
78	Đệm băng trước	166-9145	Cái	2	1.340.000	2.680.000	8	214.400
79	Cảm biến áp lực tác động phun	167-1709	Cái	2	8.876.000	17.752.000	10	1.775.200
80	Giảm chấn động cơ	167-8130	Cái	1	60.780.000	60.780.000	8	4.862.400
81	Cảm biến báo dòng nước	171-8708	Cái	2	7.904.000	15.808.000	8	1.264.640
82	Van phanh trước	172-6232	Cái	1	28.967.000	28.967.000	8	2.317.360
83	Bi chữ thập các đăng	173-0888	Cái	5	4.708.000	23.540.000	8	1.883.200
84	Mô tơ quạt điều hòa	453-2441	Cái	2	12.535.000	25.070.000	8	2.005.600
85	Gioăng ống hút	176-0267	Cái	5	1.657.000	8.285.000	8	662.800
86	Ca trong vòng bi bị động	177-7886	Cái	3	3.600.000	10.800.000	8	864.000
87	Dây điện kim phun	179-7087	Cái	12	2.772.000	33.264.000	10	3.326.400
88	Gioăng bộ lai bơm ép	180-6646	Cái	5	243.000	1.215.000	8	97.200
89	Vòng bi đầu trục+ cuối trục	185-2655	Cái	4	7.634.000	30.536.000	8	2.442.880
90	Bộ gioăng phốt biến mô	188-2888	Bộ	5	19.713.000	98.565.000	8	7.885.200
91	Phin lọc tách nước khí nén	190-0760	Cái	5	9.306.000	46.530.000	8	3.722.400
92	Vành răng truyền lực biến mô	192-0876	Cái	1	34.806.000	34.806.000	8	2.784.480
93	Piston động cơ	192-2209	Cái	24	15.123.000	362.952.000	8	29.036.160
94	Xéc măng khí	192-8807	Cái	120	1.775.000	213.000.000	8	17.040.000
95	Gioăng băng trước	193-9155	Cái	5	455.000	2.275.000	8	182.000
96	Cảm biến áp suất nhiên liệu	194-6725	Cái	2	8.876.000	17.752.000	10	1.775.200
97	Xi lanh	197-9322	Cái	60	8.590.000	515.400.000	8	41.232.000
98	Gioăng	198-6068	Cái	12	416.000	4.992.000	8	399.360
99	Vòng bi trục bánh răng tốc độ	1B-3867	Vòng	5	1.035.000	5.175.000	8	414.000
100	Phin lọc hộp số biến mô	1G-8878	Cái	24	1.080.000	25.920.000	8	2.073.600

101	Gioăng giảm sóc	1H-8278	Cái	20	164.000	3.280.000	8	262.400
102	Bạc bơm biến mô	1M-3909	Cái	5	1.669.000	8.345.000	10	834.500
103	Xéc măng	1M-4169	Cái	5	697.000	3.485.000	8	278.800
104	Gioăng	1P-3705	Cái	10	130.000	1.300.000	8	104.000
105	Gioăng áp lực cao	1P-3707	Cái	20	152.000	3.040.000	8	243.200
106	Gioăng	1P-3709	Cái	10	174.000	1.740.000	8	139.200
107	Ca trong vòng bi chủ động	1P-3935	Cái	2	5.675.000	11.350.000	8	908.000
108	Ca bi	1P-6872	Cái	3	852.000	2.556.000	8	204.480
109	Phin lọc tinh nhiên liệu	1R-0749	Cái	20	395.000	7.900.000	8	632.000
110	Phin lọc tinh nhiên liệu	1R-0762	Cái	30	601.000	18.030.000	8	1.442.400
111	Phin lọc dầu động cơ	1R-1808	Cái	120	492.000	59.040.000	8	4.723.200
112	Gioăng phốt	1S-6478	Cái	2	1.633.000	3.266.000	8	261.280
113	Xéc măng	1S-9496	Cái	2	1.334.000	2.668.000	8	213.440
114	Xéc măng	1S-9497	Cái	2	1.100.000	2.200.000	8	176.000
115	Gioăng piston côn	1S-9498	Cái	2	1.212.000	2.424.000	8	193.920
116	Gioăng bích	1T-0132	Cái	5	293.000	1.465.000	8	117.200
117	Gioăng cao su	1T-0136	Cái	5	227.000	1.135.000	8	90.800
118	Căn	1T-1011	Cái	5	76.000	380.000	10	38.000
119	Căn	1T-1012	Cái	5	66.000	330.000	10	33.000
120	Bạc	1T-1353	Cái	3	1.395.000	4.185.000	10	418.500
121	Đế xu páp xả	1W-5283	Cái	24	947.000	22.728.000	8	1.818.240
122	Van phanh chân	204-4270	Cái	2	12.713.000	25.426.000	8	2.034.080
123	Gioăng piston chia dầu phanh sau	205-0567	Bộ	2	2.807.000	5.614.000	8	449.120
124	Giảm sóc ghế lái	212-7779	Cái	5	10.993.000	54.965.000	8	4.397.200
125	Xéc măng dầu	213-7454	Cái	120	1.775.000	213.000.000	8	17.040.000
126	Cuộn điện	218-9898	Cái	2	3.817.000	7.634.000	8	610.720

127	Van nạp khí	222-2367	Cái	3	2.978.000	8.934.000	8	714.720
128	Gioăng nắp máy	230-0940	Cái	5	1.569.000	7.845.000	8	627.600
129	Công tắc nâng hạ ben	231-3869	Cái	2	19.497.000	38.994.000	8	3.119.520
130	Kim phun điện tử	232-1171	Cái	24	34.702.000	832.848.000	8	66.627.840
131	Gioăng	234-8937	Cái	5	497.000	2.485.000	8	198.800
132	Phốt đầu tăng tốc	235-2484	Cái	3	3.303.000	9.909.000	8	792.720
133	Gioăng cảm biến	238-5080	Cái	5	214.000	1.070.000	8	85.600
134	Gioăng tròn	238-5082	Cái	5	299.000	1.495.000	8	119.600
135	Van hằng nhiệt	248-5513	Cái	5	2.482.000	12.410.000	8	992.800
136	Cảm biến tốc độ đầu ra hộp số	258-4521	Cái	3	10.606.000	31.818.000	10	3.181.800
137	Cảm biến thời điểm nổ (129-6628)	522-1641	Cái	2	10.093.000	20.186.000	10	2.018.600
138	Cảm biến chân ga	266-1466	Cái	2	7.013.000	14.026.000	10	1.402.600
139	Van định áp	282-1915	Cái	2	2.207.000	4.414.000	8	353.120
140	Bộ gioăng phốt hộp số	282-6655	Bộ	5	37.866.000	189.330.000	8	15.146.400
141	Phốt	289-2937	Cái	5	1.328.000	6.640.000	8	531.200
142	Phốt	289-2948	Cái	5	980.000	4.900.000	10	490.000
143	Phốt giảm sóc sau	9X-7333	Cái	5	940.000	4.700.000	8	376.000
144	Mô tơ lên xuống kính	292-6964	Cái	1	21.293.000	21.293.000	8	1.703.440
145	Bộ gioăng phốt xi lanh lái	294-9583	Bộ	5	3.424.000	17.120.000	8	1.369.600
146	Gioăng phốt giảm sóc trước	297-6847	Bộ	5	17.950.000	89.750.000	8	7.180.000
147	Gioăng phốt giảm sóc sau	297-6848	Bộ	5	7.296.000	36.480.000	8	2.918.400
148	Đệm bằng sau	2A-1162	Cái	10	83.000	830.000	8	66.400
149	Gioăng bìa	2A-3398	Cái	10	177.000	1.770.000	8	141.600
150	Gioăng tròn	2D-6392	Cái	10	34.000	340.000	8	27.200
151	Gioăng đường ống	2D-8009	Cái	10	235.000	2.350.000	8	188.000
152	Vòng bi	2D-9457	Vòng	2	7.575.000	15.150.000	8	1.212.000

153	Gioăng đầu đê	2F-6678	Cái	5	317.000	1.585.000	8	126.800
154	Măng xéc bầu phanh	2G-1203	Cái	2	5.166.000	10.332.000	8	826.560
155	Gioăng	2H-3927	Cái	10	145.000	1.450.000	8	116.000
156	Gioăng cao su	2H-3932	Cái	10	82.000	820.000	8	65.600
157	Gioăng cụm chia dầu phanh sau	175-7898	Cái	5	208.000	1.040.000	8	83.200
158	Gioăng giảm sóc	2H-5001	Cái	10	42.000	420.000	8	33.600
159	Gioăng	2H-6338	Cái	10	194.000	1.940.000	8	155.200
160	Gioăng tròn	2M-0340	Cái	5	280.000	1.400.000	8	112.000
161	Gioăng	2M-1395	Cái	5	95.000	475.000	8	38.000
162	Gioăng mặt bích	2M-3818	Cái	3	467.000	1.401.000	8	112.080
163	Gioăng bằng sau	2M-5446	Cái	5	87.000	435.000	8	34.800
164	Vòng bi	2M-5685	Vòng	2	836.000	1.672.000	10	167.200
165	Gioăng	2P-4305	Cái	5	117.000	585.000	8	46.800
166	Vòng bi côn trục BR lai bom ben lái	2P-8987	Vòng	3	2.229.000	6.687.000	8	534.960
167	Vòng bi	2S-0669	Vòng	3	439.000	1.317.000	8	105.360
168	Trục bánh răng	2S-4899	Cái	3	3.716.000	11.148.000	8	891.840
169	gioăng	2S-6151	Cái	5	83.000	415.000	8	33.200
170	Bin điện (hộp số, biển mô)	302-3809	Cái	2	10.502.000	21.004.000	8	1.680.320
171	Gioăng ca xoa bé 773E	314-4120	Bộ	5	11.718.000	58.590.000	8	4.687.200
172	Cảm biến vòng tua động cơ	318-1181	Cái	2	5.930.000	11.860.000	10	1.186.000
173	Dây điện hộp số	324-0843	Cái	2	3.555.000	7.110.000	10	711.000
174	Dây điện hộp số	326-4100	Cái	1	11.183.000	11.183.000	10	1.118.300
175	Pin điện	326-5212	Cái	3	1.379.000	4.137.000	8	330.960
176	Măng xéc giảm sóc	433-5903	Cái	5	2.438.000	12.190.000	8	975.200
177	Phốt bơm nước	349-2654	Cái	3	3.026.000	9.078.000	8	726.240
178	Van phanh rà	351-0524	Cái	1	16.860.000	16.860.000	8	1.348.800

179	Gioăng nước	359-1439	Cái	3	168.000	504.000	8	40.320
180	Gioăng bảng trước	379-5053	Cái	2	598.000	1.196.000	8	95.680
181	Ca vòng bi nhỏ quả dứa	3D-1100	Cái	2	4.509.000	9.018.000	8	721.440
182	Vòng bi nhỏ quả dứa	3D-1101	Vòng	5	11.368.000	56.840.000	8	4.547.200
183	Gioăng bơm	3D-4245	Cái	5	66.000	330.000	8	26.400
184	Căn vi sai	3D-8513	Cái	3	8.000.000	24.000.000	10	2.400.000
185	Gioăng vòi phun	250-0466	Cái	24	343.000	8.232.000	8	658.560
186	Gioăng tròn	3E-6769	Cái	3	201.000	603.000	8	48.240
187	Gioăng giữa bơm phanh và bơm lái	3E-6799	Cái	3	662.000	1.986.000	8	158.880
188	Bi bu ly cánh quạt	3L-1425	Cái	3	1.757.000	5.271.000	10	527.100
189	Gioăng	228-4947	Cái	3	217.000	651.000	8	52.080
190	Gioăng tròn	3P-1155	Cái	3	333.000	999.000	8	79.920
191	Vành răng Z89 số (2+3)	3P-8167	Cái	1	64.324.000	64.324.000	10	6.432.400
192	Xéc măng	3S-0142	Cái	3	1.467.000	4.401.000	8	352.080
193	Xéc măng	3S-1278	Cái	3	1.445.000	4.335.000	8	346.800
194	Xéc măng	3S-1282	Cái	3	1.268.000	3.804.000	8	304.320
195	Xéc măng	3S-1283	Cái	3	1.135.000	3.405.000	8	272.400
196	Bạc trục	3S-1292	Cái	3	1.639.000	4.917.000	10	491.700
197	Gioăng	3S-9643	Cái	3	634.000	1.902.000	8	152.160
198	Chổi than	3T-9524	Cái	6	556.000	3.336.000	8	266.880
199	Gioăng đầu hộp số	4D-0449	Cái	2	488.000	976.000	8	78.080
200	Gioăng	4F-7390	Cái	3	185.000	555.000	8	44.400
201	Gioăng tròn	4J-0519	Cái	3	88.000	264.000	8	21.120
202	Gioăng tròn	4J-0524	Cái	3	121.000	363.000	8	29.040
203	Gioăng tròn	4J-0525	Cái	3	125.000	375.000	8	30.000
204	Gioăng tròn	4J-0527	Cái	3	139.000	417.000	8	33.360

205	Gioăng tròn	4J-2506	Cái	3	41.000	123.000	8	9.840
206	Gioăng giảm sóc	4J-6557	Cái	3	136.000	408.000	8	32.640
207	Gioăng cổ đồ dầu biến mô	4M-0189	Cái	3	214.000	642.000	8	51.360
208	Lò xo	4M-9592	Cái	3	269.000	807.000	10	80.700
209	Gioăng xích giảm tốc cạnh	4S-5924	Cái	5	413.000	2.065.000	8	165.200
210	Phin lọc dầu lái	4T-6788	Cái	20	284.000	5.680.000	8	454.400
211	Gioăng	5D-7523	Cái	5	715.000	3.575.000	8	286.000
212	Gioăng bơm	5F-3999	Cái	5	224.000	1.120.000	8	89.600
213	Gioăng tròn	5H-6005	Cái	5	46.000	230.000	8	18.400
214	Gioăng cổ hút	5H-7704	Cái	5	510.000	2.550.000	8	204.000
215	Gioăng giảm sóc	5J-1731	Cái	10	325.000	3.250.000	8	260.000
216	Gioăng giảm sóc	5J-6444	Cái	10	132.000	1.320.000	8	105.600
217	Gioăng tròn	5K-9090	Cái	10	60.000	600.000	8	48.000
218	Vòng bi	5M-0578	Vòng	2	654.000	1.308.000	8	104.640
219	Vòng bi	5M-2051	Vòng	2	744.000	1.488.000	10	148.800
220	Vòng bi	5M-5018	Vòng	2	543.000	1.086.000	8	86.880
221	Vòng bi	5M-6126	Vòng	2	608.000	1.216.000	8	97.280
222	Gioăng máy nén khí	5M-6509	Cái	5	123.000	615.000	8	49.200
223	Bạc đỡ đầu trục	5M-8651	Cái	3	845.000	2.535.000	10	253.500
224	Dây đai cánh quạt (1bộ = 3 cái)	5N-4751	Cái	2	5.799.000	11.598.000	8	927.840
225	Gioăng tròn	5P-3108	Cái	5	59.000	295.000	8	23.600
226	Gioăng moay ơ	5P-4076	Cái	5	604.000	3.020.000	8	241.600
227	Gioăng	5P-5010	Cái	5	3.293.000	16.465.000	8	1.317.200
228	Gioăng	5P-7815	Cái	5	388.000	1.940.000	8	155.200
229	Gioăng	5P-8356	Cái	5	258.000	1.290.000	8	103.200
230	Gioăng	5P-8429	Cái	5	1.496.000	7.480.000	8	598.400

231	Gioăng	5P-8940	Cái	5	1.135.000	5.675.000	8	454.000
232	Gioăng hộp số	5P-9186	Cái	5	244.000	1.220.000	8	97.600
233	Gioăng tăng áp	112-3540	Cái	5	436.000	2.180.000	8	174.400
234	Vòng bi	5S-4442	Vòng	3	1.345.000	4.035.000	8	322.800
235	Vòng bi to quả dứa	6B-4852	Vòng	5	27.763.000	138.815.000	8	11.105.200
236	Gioăng	6D-1355	Cái	5	577.000	2.885.000	8	230.800
237	Van định áp	6D-3781	Cái	3	3.724.000	11.172.000	8	893.760
238	Xéc măng hộp số	6F-0155	Cái	10	405.000	4.050.000	8	324.000
239	Gioăng cao su	6F-6672	Cái	5	56.000	280.000	8	22.400
240	Gioăng moay ơ	6F-8146	Cái	5	204.000	1.020.000	8	81.600
241	Căn quả dứa vi sai	6G-1881	Cái	10	314.000	3.140.000	10	314.000
242	Căn quả dứa vi sai	6G-1893	Cái	10	239.000	2.390.000	10	239.000
243	Căn	6G-4363	Cái	3	2.758.000	8.274.000	10	827.400
244	Xéc măng hộp số	6H-7201	Cái	5	326.000	1.630.000	8	130.400
245	Phin lọc gió thô động cơ	6I-2505	Cái	20	1.743.000	34.860.000	8	2.788.800
246	Phin lọc gió tinh động cơ	6I-2506	Cái	20	961.000	19.220.000	8	1.537.600
247	Gioăng tròn	6J-2680	Cái	5	161.000	805.000	8	64.400
248	Gioăng máy nén khí	597-1291	Cái	5	97.000	485.000	8	38.800
249	Gioăng	6L-9405	Cái	5	335.000	1.675.000	8	134.000
250	Gioăng mặt bích	6M-5218	Cái	5	558.000	2.790.000	8	223.200
251	Gioăng máy nén khí	6N-0634	Cái	5	264.000	1.320.000	8	105.600
252	Gioăng mặt máy nén khí	6N-2098	Cái	5	219.000	1.095.000	8	87.600
253	Bộ chia dầu	486-9750	Cái	1	19.539.000	19.539.000	10	1.953.900
254	Trục BR hành tinh	6P-9269	Cái	3	5.091.000	15.273.000	8	1.221.840
255	Xéc măng	6T-5611	Cái	3	496.000	1.488.000	10	148.800
256	Bi đỡ bánh răng trung gian bướng sau	6V-7725	Vòng	2	12.108.000	24.216.000	8	1.937.280

257	Gioăng bom	6V-8260	Cái	5	980.000	4.900.000	8	392.000
258	Gioăng	6V-8397	Cái	5	47.000	235.000	8	18.800
259	Gioăng đầu ống nhiên liệu	6V-8398	Cái	5	48.000	240.000	8	19.200
260	Gioăng tròn	6V-8676	Cái	5	427.000	2.135.000	8	170.800
261	Gioăng tròn	6V-9746	Cái	5	54.000	270.000	8	21.600
262	Vòng bi giảm tốc cạnh	6Y-4119	Vòng	6	4.438.000	26.628.000	8	2.130.240
263	Xéc măng	6Y-5888	Cái	3	3.409.000	10.227.000	8	818.160
264	Gioăng đường khí	7C-0307	Cái	5	69.000	345.000	8	27.600
265	Xéc măng bom dầu	7C-1511	Cái	3	1.033.000	3.099.000	8	247.920
266	Gioăng bầu phanh	7D-7519	Cái	5	471.000	2.355.000	8	188.400
267	Gioăng tròn	7D-8048	Cái	5	100.000	500.000	8	40.000
268	Máy ép hơi	7E-7739	Cái	2	89.237.000	178.474.000	8	14.277.920
269	Gioăng	7F-0938	Cái	5	66.000	330.000	10	33.000
270	Gioăng cụm chia dầu phanh sau 773E	7F-2122	Cái	5	214.000	1.070.000	8	85.600
271	Gioăng đường dầu vào cụm chia dầu	7J-9108	Cái	5	52.000	260.000	8	20.800
272	Gioăng đệm	7L-2894	Cái	5	165.000	825.000	8	66.000
273	Lò xo	7M-5813	Cái	3	420.000	1.260.000	10	126.000
274	Van bình khí nén	7X-7655	Cái	2	1.296.000	2.592.000	8	207.360
275	Gioăng giảm sóc	7Y-4294	Cái	5	278.000	1.390.000	8	111.200
276	Gioăng đường khí	8C-3089	Cái	5	638.000	3.190.000	8	255.200
277	Gioăng	8C-3093	Cái	5	220.000	1.100.000	8	88.000
278	Phin lọc gió ngoài ca bin	8C-9657	Cái	5	778.000	3.890.000	8	311.200
279	Căn	8E-8299	Cái	5	248.000	1.240.000	8	99.200
280	Căn	8E-8308	Cái	5	342.000	1.710.000	8	136.800
281	Căn	8E-8311	Cái	5	398.000	1.990.000	8	159.200
282	Bi bu ly cánh quạt	8H-9789	Cái	3	1.272.000	3.816.000	10	381.600

283	Gioăng	8L-2746	Cái	5	196.000	980.000	8	78.400
284	Gioăng bộ khóa biến mô	8L-2777	Cái	5	187.000	935.000	8	74.800
285	Gioăng	464-0509	Cái	5	166.000	830.000	8	66.400
286	Gioăng moay ơ	8L-9241	Cái	5	234.000	1.170.000	8	93.600
287	Gioăng tròn	8M-1112	Cái	5	137.000	685.000	8	54.800
288	Gioăng cao su bích van nạp khí	8M-4435	Cái	5	123.000	615.000	8	49.200
289	Gioăng đường khí	8M-7065	Cái	5	61.000	305.000	8	24.400
290	Gioăng máy nén khí	8N-3665	Cái	5	739.000	3.695.000	8	295.600
291	Phin lọc đường hút hộp số	8P-3795	Cái	5	1.486.000	7.430.000	10	743.000
292	Vòng bi côn trục BR lại bơm ben lái	8S-9152	Vòng	3	2.672.000	8.016.000	8	641.280
293	Bạc phíp	8T-1127	Cái	3	2.062.000	6.186.000	8	494.880
294	Gioăng cao su	8T-2885	Cái	5	162.000	810.000	8	64.800
295	Bạc phíp	8T-7692	Cái	3	9.605.000	28.815.000	10	2.881.500
296	Xéc măng giảm sóc	8T-7694	Cái	3	3.125.000	9.375.000	8	750.000
297	Bạc phíp	8T-7695	Cái	3	4.817.000	14.451.000	8	1.156.080
298	Xéc măng phanh	9D-7986	Cái	10	2.701.000	27.010.000	8	2.160.800
299	Xéc măng phanh	9D-7987	Cái	10	2.431.000	24.310.000	8	1.944.800
300	Xéc măng phanh	9D-7988	Cái	10	3.213.000	32.130.000	8	2.570.400
301	Gioăng	9F-4446	Cái	20	222.000	4.440.000	8	355.200
302	Gioăng hộp số	9H-3360	Cái	10	642.000	6.420.000	8	513.600
303	Dây đai điều hòa	9L-1130	Cái	5	1.682.000	8.410.000	8	672.800
304	Dây đai máy phát	9L-6639	Cái	5	1.605.000	8.025.000	8	642.000
305	Gioăng	9L-6924	Cái	5	100.000	500.000	8	40.000
306	Van máy nén khí	9M-0381	Cái	5	450.000	2.250.000	10	225.000
307	Bộ gioăng phớt van xả hơi	629-3045	Bộ	2	992.000	1.984.000	8	158.720
308	Vòng bi	9M-1997	Vòng	5	2.021.000	10.105.000	8	808.400

309	Chốt bi hộp số	9M-2001	Cái	5	130.000	650.000	10	65.000
310	Vòng bi	9M-2744	Vòng	4	15.291.000	61.164.000	8	4.893.120
311	Gioăng hộp số	9M-4218	Cái	5	419.000	2.095.000	8	167.600
312	Căn	9M-5874	Cái	5	1.039.000	5.195.000	10	519.500
313	Gioăng moay ơ	9M-5892	Cái	5	616.000	3.080.000	8	246.400
314	Lò xo tách côn	9M-6193	Cái	50	134.000	6.700.000	10	670.000
315	Gioăng hộp số	9M-7002	Cái	10	268.000	2.680.000	8	214.400
316	Lá đồng bộ côn số 3,4	9W-4662	Cái	5	4.510.000	22.550.000	8	1.804.000
317	Lá ma sát bầu phanh	9W-7017	Cái	5	4.343.000	21.715.000	8	1.737.200
318	Bánh răng tốc độ hộp số	9W-7334	Cái	2	8.018.000	16.036.000	8	1.282.880
319	Gioăng bầu phanh	9X-7307	Cái	5	2.163.000	10.815.000	8	865.200
320	Gioăng tròn	9X-7371	Cái	5	989.000	4.945.000	8	395.600
321	Gioăng	9X-7378	Cái	5	77.000	385.000	8	30.800
322	Gioăng	9X-7408	Cái	5	79.000	395.000	8	31.600
323	Gioăng tròn	228-7088	Cái	5	174.000	870.000	8	69.600
324	Gioăng vòi phun	9X-7681	Cái	5	200.000	1.000.000	8	80.000
325	Gioăng	9X-7734	Cái	5	244.000	1.220.000	8	97.600
326	Gioăng bằng sau	9Y-6089	Cái	5	218.000	1.090.000	8	87.200
327	Ca xéc măng bộ côn số 2	6P-7706	Cái	1	11.035.000	11.035.000	8	882.800
328	Bộ kit xi lanh phanh	318-8229	Cái	5	6.480.000	32.400.000	8	2.592.000
329	Gioăng tròn	4J-0528	Cái	5	144.000	720.000	8	57.600
330	Gioăng tròn	4K-2039	Cái	5	43.000	215.000	8	17.200
331	Gioăng bầu phanh	123-2941	Cái	5	669.000	3.345.000	8	267.600
332	Gioăng phốt tổng phanh trước	5T-4748	Bộ	2	6.432.000	12.864.000	8	1.029.120
333	Bộ gioăng phốt trung tu động cơ	MG1001	Bộ	5	146.897.000	734.485.000	8	58.758.800
334	Bộ gioăng phốt bom ben phanh	232-0242	Bộ	2	10.060.000	20.120.000	8	1.609.600

335	Gioăng tròn	112-3102	Cái	10	227.000	2.270.000	8	181.600
336	Gioăng	180-8424	Cái	10	45.000	450.000	8	36.000
337	Gioăng	214-1727	Cái	6	855.000	5.130.000	8	410.400
338	Gioăng tròn	224-6079	Cái	10	396.000	3.960.000	8	316.800
339	Gioăng tròn	238-6646	Cái	10	1.211.000	12.110.000	8	968.800
340	Giăng các te	353-1648	Cái	10	1.132.000	11.320.000	8	905.600
341	Gioăng tròn	502-4034	Cái	10	1.082.000	10.820.000	8	865.600
342	Gioăng bơm ép	6V-5050	Cái	10	285.000	2.850.000	8	228.000
343	Gioăng tròn	6V-5064	Cái	10	79.000	790.000	8	63.200
344	Gioăng tròn cao su thuộc bộ làm mát dầu động cơ	6V-9027	Cái	10	39.000	390.000	8	31.200
345	Gioăng	6V-9028	Cái	10	44.000	440.000	8	35.200
346	Gioăng tròn	8T-1703	Cái	10	134.000	1.340.000	8	107.200
347	Gioăng	8T-3298	Cái	10	148.000	1.480.000	8	118.400
348	Cảm biến nhiệt độ dầu máy	106-0735	Cái	2	7.016.000	14.032.000	10	1.403.200
349	Van phanh	2G-3594	Cái	3	4.693.000	14.079.000	8	1.126.320
350	Kít nén khí	6I-1220	Bộ	2	1.378.000	2.756.000	10	275.600
351	Van sấy khí	470-0213	Cái	2	8.214.000	16.428.000	8	1.314.240
352	Gioăng	151-7109	Cái	5	1.131.000	5.655.000	8	452.400
353	Bộ seals kit van phanh trước	197-7484	Bộ	5	4.567.000	22.835.000	8	1.826.800
354	Gioăng ca xoa moay ơ trước	4M-0660	Cái	5	829.000	4.145.000	8	331.600
355	Cảm biến vị trí số	338-1462	Cái	1	28.541.000	28.541.000	10	2.854.100
356	Gioăng tròn	4J-0523	Cái	5	114.000	570.000	8	45.600
357	Cảm biến chân phanh	266-1467	Cái	1	7.013.000	7.013.000	10	701.300
358	Gioăng van phanh đỡ	3T-5224	Cái	4	339.000	1.356.000	8	108.480
359	Bạc trục chính hộp số	486-9752	Cái	5	1.268.000	6.340.000	10	634.000
360	Gioăng	104-6730	Cái	5	82.000	410.000	8	32.800

361	Gioăng van điện	117-2983	Cái	5	76.000	380.000	8	30.400
362	Gioăng	4N-1419	Cái	5	136.000	680.000	8	54.400
363	Gioăng	6N-0992	Cái	5	258.000	1.290.000	8	103.200
364	Gioăng đệm	9L-1633	Cái	5	105.000	525.000	8	42.000
365	Phốt	8S-5575	Cái	2	244.000	488.000	8	39.040
366	Gioăng ca xoa moay ơ trước	4M-0736	Cái	4	1.048.000	4.192.000	8	335.360
367	Phốt van lái	6V-1604	Cái	2	736.000	1.472.000	8	117.760
368	Phin lọc gió	211-2660	Cái	5	913.000	4.565.000	8	365.200
369	Phin lọc thông hơi thùng dầu thủy lực	245-7451	Cái	5	806.000	4.030.000	10	403.000
370	Phin lọc thông hơi xi lanh phanh	8J-5604	Cái	5	326.000	1.630.000	10	163.000
371	Van phanh đỗ	128-4971	Cái	2	5.678.000	11.356.000	8	908.480
372	Gioăng chân két nước	511-3119	Cái	5	1.912.000	9.560.000	8	764.800
373	Công tắc phanh rà	284-3622	Cái	2	1.436.000	2.872.000	8	229.760
374	Bơm nước động cơ	352-2077	Cái	1	56.129.000	56.129.000	8	4.490.320
375	Lọc van đi số	6T-7640	Cái	5	631.000	3.155.000	8	252.400
376	Gioăng đệm	117-5268	Cái	5	235.000	1.175.000	8	94.000
377	Phốt	135-5935	Cái	5	937.000	4.685.000	8	374.800
378	Công tắc vị trí ben	228-4808	Cái	2	7.900.000	15.800.000	8	1.264.000
379	Vòng bi	6V-3916	Cái	3	1.102.000	3.306.000	8	264.480
380	Bơm nước động cơ	352-0200	Cái	1	73.484.000	73.484.000	8	5.878.720
381	Van phanh	213-1081	Cái	2	7.013.000	14.026.000	8	1.122.080
382	Phin lọc tinh nhiên liệu	1R-0755	Cái	30	973.000	29.190.000	8	2.335.200
383	Phin lọc tách nước	326-1643	Cái	30	724.000	21.720.000	8	1.737.600
384	Mỡ chịu nhiệt 16Kg/xô	4526009	Xô	32	4.883.000	156.256.000	10	15.625.600
385	Phin lọc khí nạp thô	6I-2501	Cái	6	2.260.000	13.560.000	8	1.084.800
386	Phin lọc khí nạp tinh	6I-2502	Cái	6	1.690.000	10.140.000	8	811.200

387	Phin lọc gió trong điều hòa	6T-5068	Cái	6	978.000	5.868.000	8	469.440
388	Phin lọc gió ngoài điều hòa	6T-0988	Cái	6	1.568.000	9.408.000	8	752.640
389	Phin lọc dầu thủy lực số	624-1845	Cái	20	3.058.000	61.160.000	8	4.892.800
390	Phin lọc thô tách nước nhiên liệu	326-1644	Cái	20	653.000	13.060.000	8	1.044.800
391	Bạc càng a cầu sau	243-3071	Cái	4	8.015.000	32.060.000	10	3.206.000
392	Vòng ren khóa bi chao	288-2747	Cái	5	5.055.000	25.275.000	10	2.527.500
393	Bu lông khóa càng a cầu sau	8T-0283	Cái	12	768.000	9.216.000	10	921.600
394	Vòng đệm	198-4772	Cái	4	791.000	3.164.000	10	316.400
395	Ca trong vòng bi nhỏ moay σ	6V-0663	Cái	2	8.111.000	16.222.000	8	1.297.760
396	Ca ngoài bi nhỏ moay σ	6V-0662	Cái	2	2.769.000	5.538.000	8	443.040
397	Ca trong vòng bi to moay σ	6V-0664	Cái	2	16.636.000	33.272.000	8	2.661.760
398	Ca ngoài vòng bi to moay σ	5F-2465	Cái	2	6.107.000	12.214.000	8	977.120
399	Vòng bi truyền động cuối	4B-3693	Cái	2	3.847.000	7.694.000	8	615.520
400	Gioăng ca xoa	6Y-0859	Cái	2	10.223.000	20.446.000	8	1.635.680
401	Phốt trục láp	419-4175	Cái	2	910.000	1.820.000	8	145.600
402	Gioăng	8J-1665	Cái	5	300.000	1.500.000	8	120.000
403	Gioăng	9H-0846	Cái	5	604.000	3.020.000	8	241.600
404	Gioăng giảm tốc	090-3093	Cái	5	242.000	1.210.000	8	96.800
405	Cần bánh răng giảm tốc cạnh	7T-2530	Cái	3	3.903.000	11.709.000	8	936.720
406	Cần bánh răng giảm tốc cạnh	9W-3232	Cái	3	1.033.000	3.099.000	10	309.900
407	Bi bánh răng giảm tốc cạnh	6V-0661	Cái	3	4.075.000	12.225.000	8	978.000
408	Ca bi	2P-1370	Cái	3	1.933.000	5.799.000	8	463.920
409	Điều tốc máy nén khí 4N-9680	628-1010	Cái	2	1.762.000	3.524.000	8	281.920
410	Bu lông các đăng	9V-3811	Cái	20	548.000	10.960.000	10	1.096.000
411	Nước làm mát động cơ CAT-ELI	469-2725	Phuy	12	13.939.000	167.268.000	10	16.726.800
412	Móng hãm	2A-4429	Cái	240	41.000	9.840.000	10	984.000

413	Bạc trục cơ cot 0	317-8766	Cái	35	2.924.000	102.340.000	10	10.234.000
414	Bạc biên cot 0	328-5574	Cặp	120	1.736.000	208.320.000	10	20.832.000
415	Xéc măng lửa	134-3761	Cái	120	1.775.000	213.000.000	8	17.040.000
416	Bu lông chân máy sau	2A-1538	Cái	30	163.000	4.890.000	10	489.000
417	Long đen chân máy sau	5P-8248	Cái	30	56.000	1.680.000	10	168.000
418	Van định áp đường dầu chính	9M-0853	Cái	10	1.129.000	11.290.000	8	903.200
419	Khớp nối bơm chuyển nhiên liệu	117-1620	Cái	2	3.311.000	6.622.000	10	662.200
420	Ống dầu nhiên liệu	125-6795	Cái	1	1.423.000	1.423.000	8	113.840
421	Ống dầu nhiên liệu	125-6796	Cái	1	1.387.000	1.387.000	8	110.960
422	Ống dầu nhiên liệu	125-6798	Cái	1	1.234.000	1.234.000	8	98.720
423	Trục bơm nước	135-4928	Cái	3	4.496.000	13.488.000	8	1.079.040
424	Bi bơm nước	108-7930	Cái	5	4.185.000	20.925.000	8	1.674.000
425	Ống nước hồi từ block về sinh hàn	141-4094	Cái	3	2.365.000	7.095.000	8	567.600
426	Ốc cổ xả	2N-2766	Cái	64	264.000	16.896.000	10	1.689.600
427	Long đen	5M-2894	Cái	64	16.000	1.024.000	10	102.400
428	Bu lông tăng áp	2N-2765	Cái	24	466.000	11.184.000	10	1.118.400
429	Vòng bi bu ly quạt gió	333-2408	Cái	5	3.676.000	18.380.000	8	1.470.400
430	Bạc cao su tăng đai	2M-2742	Cái	5	528.000	2.640.000	10	264.000
431	Lò xo tăng đai	462-0437	Cái	3	3.692.000	11.076.000	10	1.107.600
432	Keo khóa ren 263	44068	Tuýp	10	729.000	7.290.000	10	729.000
433	Keo bôi bề mặt	80017	Tuýp	5	535.000	2.675.000	10	267.500
434	Phanh hãm trục chính	8H-3981	Cái	5	79.000	395.000	10	39.500
435	Đĩa ma sát rọ số 1	3S-7981	Cái	8	2.433.000	19.464.000	8	1.557.120
436	Trục bắt bánh răng hành tinh rọ số 2	2S-4900	Cái	6	2.254.000	13.524.000	8	1.081.920
437	Phanh vành răng ăn khớp	8S-9182	Cái	3	238.000	714.000	10	71.400
438	Pit tong rọ số 5	7S-4543	Cái	1	30.698.000	30.698.000	8	2.455.840

439	Chốt dẫn hướng	9M-1990	Cái	10	1.511.000	15.110.000	10	1.511.000
440	Lò xo	4M-5016	Cái	20	392.000	7.840.000	10	784.000
441	Bu lông	2B-0947	Cái	10	76.000	760.000	10	76.000
442	Khớp nối giữ mặt bích các đấng	6Y-9220	Cái	2	4.840.000	9.680.000	10	968.000
443	Chốt trục	2K-3455	Cái	5	75.000	375.000	10	37.500
444	Long đen	4D-3704	Cái	5	53.000	265.000	10	26.500
445	Sim căn bi	3P-8147	Cái	1	11.258.000	11.258.000	10	1.125.800
446	Gioăng	8H-7521	Cái	5	205.000	1.025.000	8	82.000
447	Van điều khiển	9W-6964	Cái	4	1.006.000	4.024.000	8	321.920
448	Van điều khiển số	6T-3115	Cái	1	10.138.000	10.138.000	8	811.040
449	Chốt dẫn hướng	421-3135	Cái	5	95.000	475.000	10	47.500
450	Gioăng	3J-1907	Cái	5	46.000	230.000	8	18.400
Tổng tiền hàng trước thuế						9.058.491.000		
Tổng tiền thuế VAT						753.515.360		
Tổng cộng tiền hàng sau thuế						9.812.006.360		



BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2.169 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX thiết bị Capterpuler (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT02)	9.812.006.360	Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 1 năm 2025	Theo đơn giá cố định	12 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực	Không	Không

Bảng chữ: Chín tỷ, tám trăm mười hai triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm sáu mươi đồng /.